

Bản án số: 61 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2024

V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Phụng
- Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa:** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn A, sinh năm 1990, nơi cư trú: Số I, Khóm C, phường I, Thành phố V, tỉnh Vinh Long. Địa chỉ liên lạc số E, Khóm V, phường T, Thành phố V (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Lưu Thị Hoàng N, sinh năm 1993 nơi cư trú: Số I, Khóm C, phường I, Thành phố V, tỉnh Vinh Long. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phạm Văn A trình bày:

Anh Phạm Văn A và chị Lưu Thị Hoàng Nguyên d quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (N phường T), Thành phố V, tỉnh Vinh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 28/9/2011.

Trong thời kỳ hôn nhân anh **A** và chị **N** có 02 con chung tên **Phạm Hoàng N1**, sinh ngày 16/01/2012 và cháu **Phạm Hoàng K**, sinh ngày 02/11/2016, hiện con chung chị **N** nuôi dưỡng cháu **N1**, anh **A** nuôi dưỡng cháu **K**.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cự cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh chị cũng đã sống ly thân 8 năm nay. Anh **A** đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Anh **A** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh **Phạm Văn A** yêu cầu ly hôn với chị **Lưu Thị Hoàng N**.

Về nuôi dưỡng con chung: Anh **A** đồng ý giao cháu **Phạm Hoàng N1**, sinh ngày 16/01/2012 cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **A** yêu cầu tiếp tục nuôi cháu **Phạm Hoàng K**, sinh ngày 02/11/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chị **N** và anh **A** không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến trình bày của bị đơn chị **Lưu Thị Hoàng N**: Tại bản khai ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt chị **N** có trình bày chị thống nhất với nội dung đơn xin ly hôn của anh **A**, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh **A** xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn. Về nuôi dưỡng con chung chị đồng ý nuôi cháu **N1**, đồng ý để anh **A** nuôi cháu **K**. Về cấp dưỡng nuôi con chị **N** và anh **A** không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị **N** đi làm công ty xin nghỉ khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **A** vắng mặt.

* Ý kiến trình bày của cháu **Phạm Hoàng N1** là mong muốn sống chung với mẹ, cháu **Phạm Hoàng K** là mong muốn sống chung với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Phạm Văn A** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết ly hôn chị **Lưu Thị Hoàng N**, sinh năm 1993 nơi cư trú: **Số I, Khóm C, phường I, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các

văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho chị **N** đúng theo quy định của pháp luật, ngày 04 tháng 8 năm 2024 chị **N**, anh **A** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** (nay **phường T**), thành phố **V**, tỉnh **Vĩnh Long** được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/9/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Anh **Phạm Văn A** xin ly hôn chị **Lưu Thị Hoàng N**, chị **N** đồng ý ly hôn. Đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N**.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung: Cháu **Phạm Hoàng N1**, sinh ngày 16/01/2012 hiện do chị **N** nuôi dưỡng, cháu **Phạm Hoàng K**, sinh ngày 02/11/2016 anh **A** đang nuôi dưỡng khi ly hôn anh **A** đồng ý để chị **N** tiếp tục nuôi cháu **N1**, anh **A** tiếp tục nuôi cháu **K**, anh **A** và chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau vấn đề thỏa thuận này của chị **N** và anh **A** là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **N1** là sống chung với mẹ, cháu **K** tiếp tục sống chung với cha và thỏa thuận này của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh, chị. Anh **A**, chị **N** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung : Anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N** thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Anh **Phạm Văn A** phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Văn A** đối với chị **Lưu Thị Hoàng N**. Cho anh **Phạm Văn A** ly hôn với chị **Lưu Thị Hoàng N**.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu **Phạm Hoàng N1**, sinh ngày 16/01/2012 cho chị **Lưu Thị Hoàng N** nuôi dưỡng; giao cháu **Phạm Hoàng K**, sinh ngày 02/11/2016 cho anh **Phạm Văn A** nuôi dưỡng;

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N** không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Phạm Văn A** và chị **Lưu Thị Hoàng N** thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh **Phạm Văn A** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số No 0007083 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vĩnh Long. Vậy anh **Phạm Văn A** đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.TP. Vĩnh Long 01;
- Chi cục THADS. TP Vĩnh Long 01;
- **UBND phường Tân Ngãi** 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 03.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm

